



Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011



Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

98/UBCK - GP

ngày 18 tháng 9 năm 2008

Giấy phép Thành lập và Hoạt động do Ủy ban Chứng khoán
Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Đăng Quang

Chủ tịch

Ban Điều hành

Ông Nguyễn Trung Kiên

Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tầng 2, tòa nhà ARTEXPORT HOUSE (*từ ngày 9 tháng 2 năm 2011*)
2A Phạm Sư Mạnh, Quận Hoàn Kiếm
Hà Nội, Việt Nam

53 Lương Văn Can, Quận Hoàn Kiếm (*đến ngày 9 tháng 2 năm 2011*)
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Chủ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương**

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương ("Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2012. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

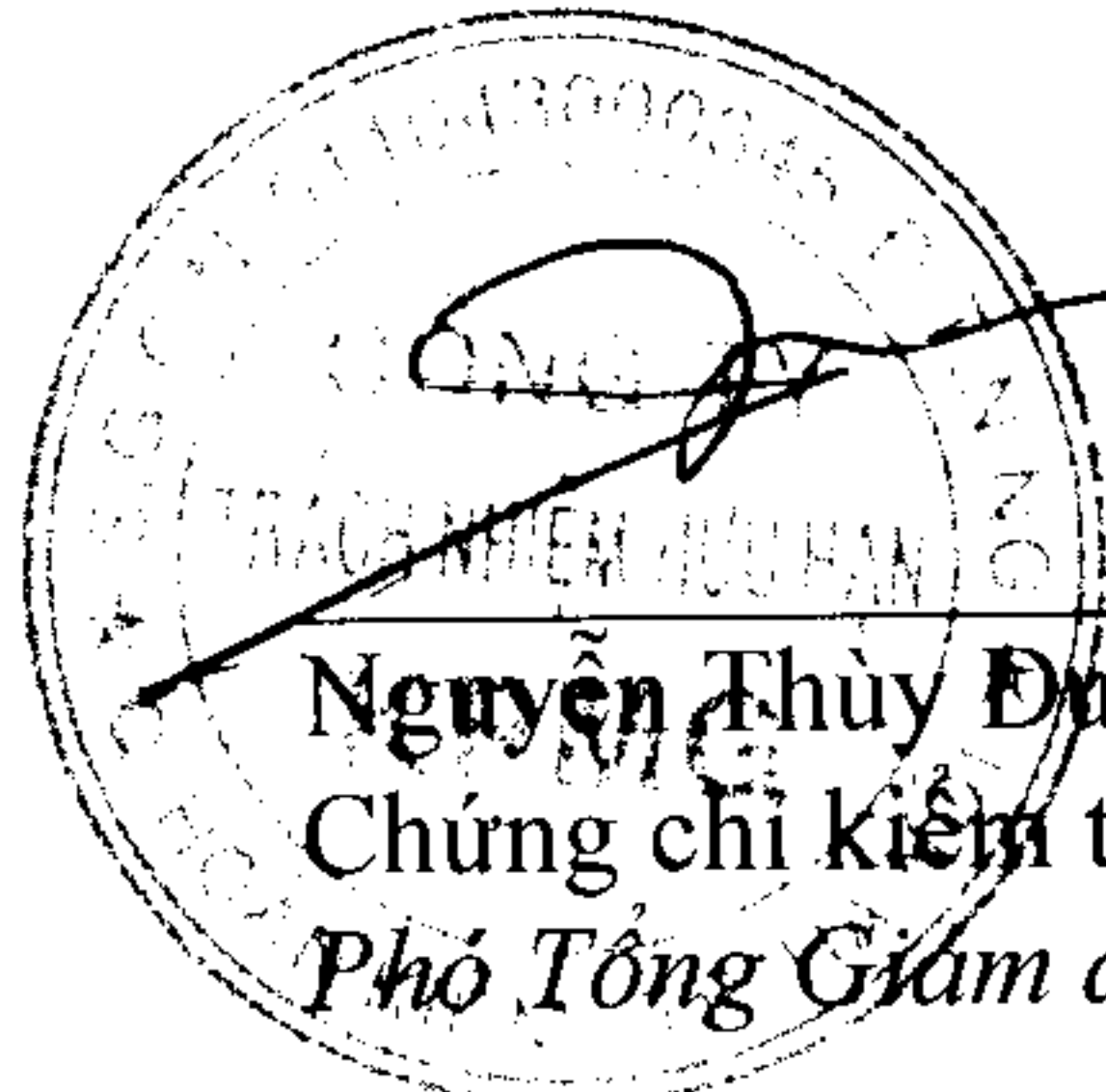
Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 11-02-287



Nguyễn Thùy Dương
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0893/KTV
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Minh Hiếu
Chứng chỉ kiểm toán viên số N.1572/KTV

Hà Nội, 30 -03- 2012

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
TÀI SẢN				
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		322.540.260	358.614.305
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	119.884.370	156.418.485
Tiền mặt	111		34.884.370	56.418.485
Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000	100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	76.218.076	184.092.001
Đầu tư ngắn hạn	121		118.561.224	206.394.174
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(42.343.148)	(22.302.173)
III. Các khoản phải thu - ngắn hạn	130		126.009.386	17.377.486
Trả trước cho người bán	132		9.000	156.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6	99.054	2.650.300
Các khoản phải thu khác	138	7	125.901.332	14.571.186
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		428.428	726.333
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		185.826	21.314
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	154.448
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		176.836	492.799
Tài sản ngắn hạn khác	158		65.766	57.772
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.329.436	3.269.106
II. Tài sản cố định	220		2.396.889	2.998.936
Tài sản cố định hữu hình	221	8	1.466.612	1.794.599
Nguyên giá	222		2.265.453	2.185.138
Hao mòn lũy kế	223		(798.841)	(390.539)
Tài sản cố định vô hình	227	9	930.277	1.204.337
Nguyên giá	228		1.340.860	1.340.860
Hao mòn lũy kế	229		(410.583)	(136.523)
V. Tài sản dài hạn khác	260		932.547	270.170
Chi phí trả trước dài hạn	261		284.545	145.728
Tiền gửi dài hạn	262		508.789	-
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	10	139.213	124.442
TỔNG TÀI SẢN	270		325.869.696	361.883.411

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		1.388.413	40.489.046
I. Nợ ngắn hạn	310		1.388.413	40.489.046
Phải trả người bán	312		1.348	1.099
Người mua trả tiền trước	313		666.117	706.240
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	288.292	63.931
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	12	395.950	33.661.835
Các khoản phải trả, phải nộp khác	328	13	36.706	6.055.941
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		324.481.283	321.394.365
I. Vốn chủ sở hữu	410		324.481.283	321.394.365
Vốn điều lệ	411	14	300.000.000	300.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	417		2.592.569	1.520.560
Quỹ dự phòng tài chính	418		2.592.569	1.520.560
Lợi nhuận chưa phân phối	420		19.296.145	18.353.245
TỔNG NGUỒN VỐN	440		325.869.696	361.883.411

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

6. Chứng khoán lưu ký	006		11.361.960	12.179.318
Trong đó:				
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		5.342.310	7.159.318
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		5.342.310	7.159.318
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027		19.650	20.000
6.5.2 Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		19.650	20.000
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042		6.000.000	5.000.000
6.8.2 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044		6.000.000	5.000.000

Người lập:



Phạm Thị Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

30 -03- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

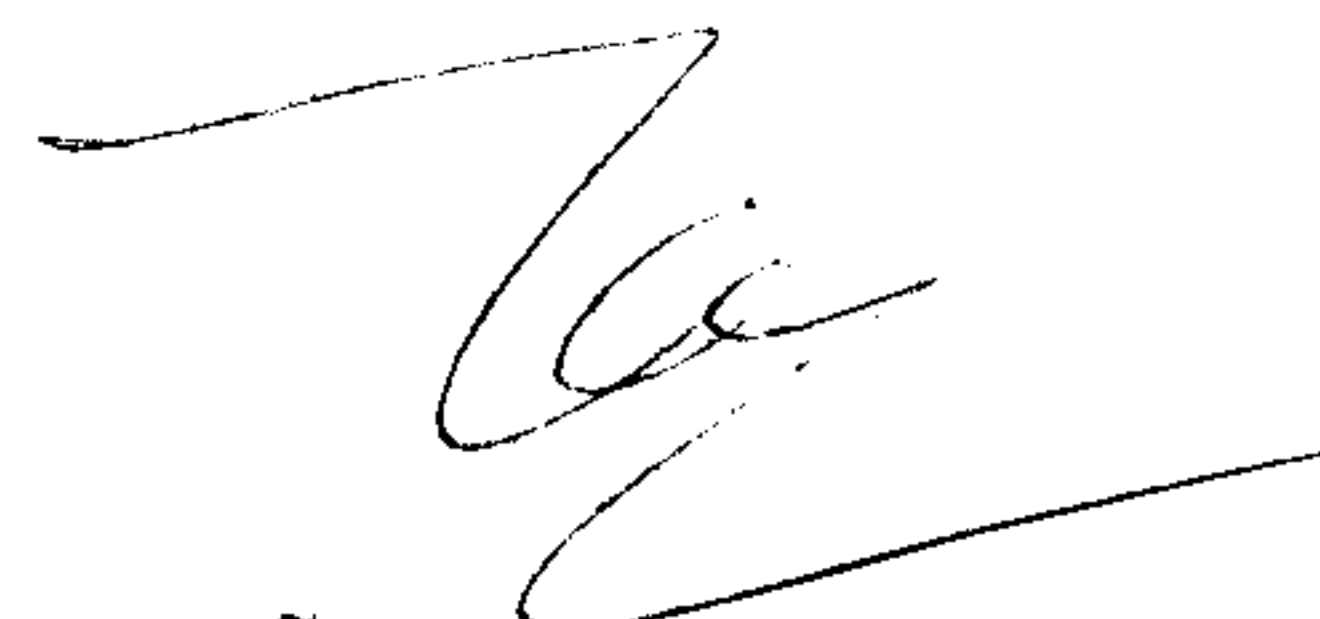
	Mã số	Thuyết minh	2011 VND'000	2010 VND'000
Doanh thu	01		73.267.790	30.344.960
Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		705.446	504.659
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán	01.2	15	4.223.892	15.588.260
Doanh thu từ hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3	16	30.000.000	-
Doanh thu từ đại lý phát hành chứng khoán	01.4		137.000	540.000
Doanh thu từ dịch vụ tư vấn	01.5		12.508.659	2.063.367
Doanh thu khác	01.9	17	25.692.793	11.648.674
Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh	10		73.267.790	30.344.960
Chi phí hoạt động kinh doanh	11	18	(45.861.183)	(28.525.518)
Lợi nhuận gộp	20		27.406.607	1.819.442
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	(6.628.096)	(6.841.109)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20.778.511	(5.021.667)
Lợi nhuận thuần khác	40		977.616	-
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	50		21.756.127	(5.021.667)
Chi phí thuế thu nhập - hiện hành	51	20	(315.963)	-
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	60		21.440.164	(5.021.667)

Người lập:



Phạm Thị Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

30 -03- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

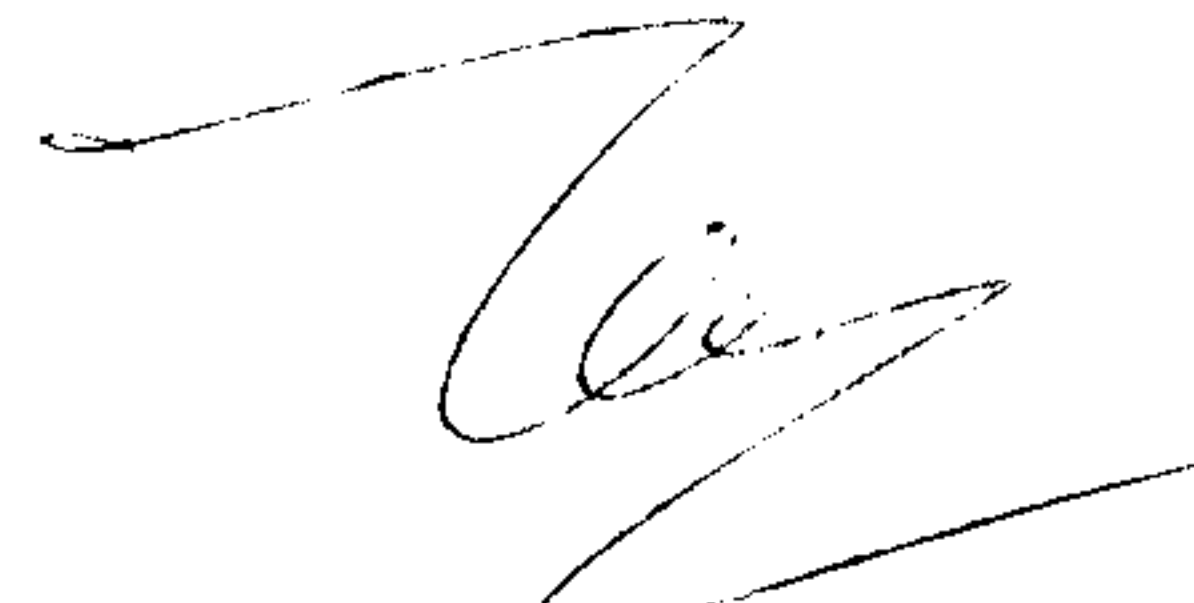
	Vốn điều lệ VND'000	Quỹ dự phòng tài chính VND'000	Quỹ dự trữ bổ sung vốn góp VND'000	Lợi nhuận chưa phân phối VND'000	Tổng cộng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	300.000.000	1.520.560	1.520.560	22.367.081	325.408.201
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(5.021.667)	(5.021.667)
Điều chỉnh năm trước	-	-	-	1.007.831	1.007.831
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	300.000.000	1.520.560	1.520.560	18.353.245	321.394.365
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	21.440.164	21.440.164
Lợi nhuận chuyển về Ngân hàng mẹ	-	-	-	(18.353.246)	(18.353.246)
Phân bổ vào các quỹ	-	1.072.009	1.072.009	(2.144.018)	-
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	300.000.000	2.592.569	2.592.569	19.296.145	324.481.283

Người lập:

Người duyệt:



Phạm Thị Vân
Kế toán



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

30 -03- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

	Mã số	Thuyết minh	2011 VND'000	2010 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		21.756.127	(5.021.667)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		901.792	509.838
Các khoản dự phòng	03		20.040.975	22.297.933
Thu nhập tiền lãi	05		(25.557.684)	(11.554.718)
Thu nhập cổ tức	05		(1.820.720)	(13.649.888)
Chi phí tiền lãi	06		111.373	847.222
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động			15.431.863	(6.571.280)
Biến động chứng khoán thương mại, các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(17.820.896)	(9.863.914)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(5.831.431)	(47.254.631)
			(8.220.464)	(63.689.825)
Tiền lãi đã trả	13		(111.373)	(847.222)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	(3.951.064)
Tiền thuần chi cho hoạt động kinh doanh	20		(8.331.837)	(68.488.111)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(962.122)	(2.253.032)
Tiền chi cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và ứng trước	23		2.524.961	(2.623.452)
Thu từ các khoản tiền gửi có kỳ hạn và vay ngắn hạn	24		2.623.452	67.467.263
Cổ tức và lãi đã nhận được	27		24.283.801	24.823.765
Tiền thuần thu từ hoạt động đầu tư	30		23.420.170	87.414.544

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

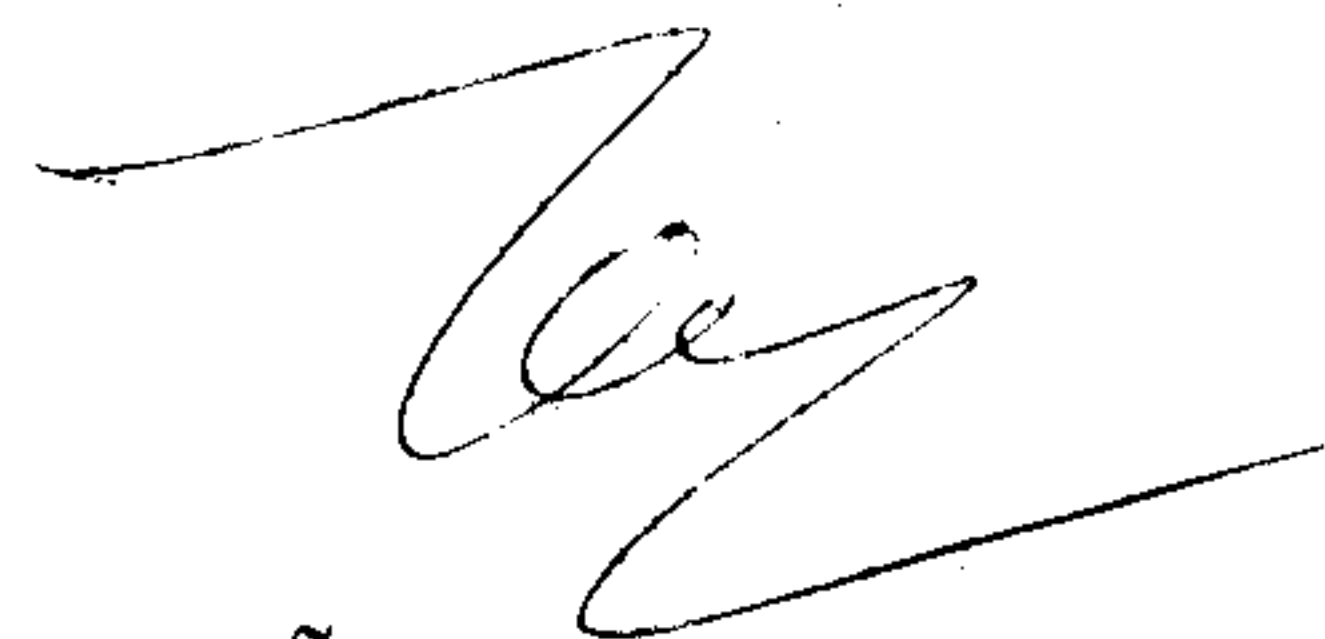
	Mã số	Thuyết minh	2011 VND'000	2010 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Cổ tức đã trả	36		(18.353.246)	-
Tiền thuần chi cho các hoạt động tài chính	40		(18.353.246)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(3.264.913)	18.926.433
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		122.753.333	103.826.900
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	3	119.488.420	122.753.333

Người lập:



Phạm Thị Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

30 -03- 2012

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính này.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương ("Công ty") là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Công ty là thực hiện các hoạt động môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty có 15 nhân viên (31 tháng 12 năm 2010: 18 nhân viên).

2. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính, trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), làm tròn đến hàng nghìn gần nhất ("VND'000"), được lập phù hợp với Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2008 về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, và được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 162/2010/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2010, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Thông tư số 162/2010/TT-BTC

Vào ngày 20 tháng 10 năm 2010, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 162/2010/TT-BTC ("Thông tư 162") hướng dẫn sửa đổi và bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán. Thông tư 162 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 và Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư 162. Việc áp dụng Thông tư 162 không ảnh hưởng trọng yếu đến việc trình bày và thuyết minh báo cáo tài chính của Công ty.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ở Việt Nam

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính (“Thông tư 210”) có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và bổ sung thêm các thuyết minh để phù hợp với các yêu cầu của thông tư này trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt nam số 10 (“CMKTVN 10”) – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

(e) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(f) Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn

(i) Phân loại

Công ty phân loại các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được mua cho mục đích kinh doanh là chứng khoán kinh doanh.

Chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn là những chứng khoán vốn được nắm giữ trong thời hạn không ấn định trước và có thể được bán ra vào bất cứ thời điểm nào.

(ii) Ghi nhận

Công ty ghi nhận các chứng khoán kinh doanh các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn vào ngày công ty ký kết các hợp đồng đầu tư (kế toán theo ngày giao dịch).

(iii) Đánh giá

Các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán được lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và được lập theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính dựa trên giá thị trường. Trong trường hợp không có thông tin về giá thị trường, dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán sẽ được ban lãnh đạo quyết định bằng kỹ thuật đánh giá. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư khi chưa lập khoản dự phòng.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

(iv) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền tệ từ các khoản đầu tư đã chấm dứt hoặc Công ty đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu cho một bên khác.

(g) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Chứng khoán mua theo các hợp đồng để bán lại (hợp đồng mua và bán lại chứng khoán cho cùng một đối tượng) không được ghi nhận là các khoản mua chứng khoán mà là các khoản phải thu và được phản ánh trên bảng cân đối kế toán theo giá trị phân bổ. Tiền lãi thu từ các hợp đồng này được ghi nhận vào thu nhập tiền lãi dựa theo kỳ hạn của mỗi hợp đồng trên cơ sở dồn tích.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- thiết bị văn phòng 4 - 5 năm

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(i) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các công cụ và dụng cụ được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(k) Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả cho người bán và phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế thu nhập phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong trường hợp không còn khả năng chắc chắn rằng các lợi ích về thuế này sẽ được sử dụng.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(n) Quỹ dự trữ pháp định

Theo Quyết định số 27/2007/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2007 do Bộ Tài Chính ban hành, các công ty chứng khoán phải thực hiện việc trích lập sau đây từ lợi nhuận sau thuế trước khi phân phối lợi nhuận:

	Tỷ lệ trích lập hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn góp
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn góp

Mục đích của quỹ dự phòng tài chính là nhằm bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường. Quỹ dự phòng này cũng như quỹ dự trữ bổ sung vốn góp được luật pháp quy định và không được phép phân phối.

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Doanh thu hoạt động giao dịch chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên thông báo khớp lệnh cho các giao dịch kinh doanh chứng khoán từ Sở Giao dịch Chứng khoán đối với các chứng khoán đã niêm yết và thỏa thuận chuyển nhượng tài sản đã được hoàn tất đối với các chứng khoán chưa niêm yết.

(ii) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

(iii) Thu nhập cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức của Công ty được thiết lập.

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có những ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính hoặc hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung, hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể chung.

(q) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, được trình bày ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

(r) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 do Bộ Tài chính ban hành về Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán nếu không được thể hiện trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Tiền mặt tại quỹ	23.259	39.455
Tiền gửi ngân hàng	34.861.111	56.379.030
Các khoản tương đương tiền (i)	85.000.000	100.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.884.370	156.418.485
<i>Trong đó:</i>		
<i>Tiền và tương tiền của Công ty trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	<i>119.448.420</i>	<i>122.753.333</i>
<i>Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán (Thuyết minh số 12)</i>	<i>395.950</i>	<i>33.665.152</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.884.370	156.418.485

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 có gốc tiền tệ bằng VND.

- (i) Các khoản tương đương tiền này là tiền gửi ngắn hạn bằng đồng Việt Nam tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam.

4. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND'000
a) Của Công ty		
▪ Cổ phiếu	-	-
b) Của Nhà đầu tư/ Khách hàng		
▪ Cổ phiếu	22.582.110	454.667.720
	22.582.110	454.667.720

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

5. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Chi tiết các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn do Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 1 tháng 1 năm 2011 như sau:

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Tăng		So với giá thị trường (Giảm)		Tổng giá trị theo giá thị trường	
	31/12/2011	1/1/2011	31/12/2011	1/1/2011	31/12/2011	1/1/2011	31/12/2011	1/1/2011	31/12/2011	1/1/2011
			VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Chứng khoán kinh doanh	4.576.398	7.092.464	118.561.224	206.394.174	-	5.591.974	(42.343.148)	(22.302.173)	76.218.076	189.683.975
Năm bởi chính Công ty										
Chứng khoán niêm yết	658.163	606.768	16.717.832	16.717.832	-	433.500	(5.760.189)	(2.312.084)	10.957.643	14.839.248
Năm bởi Công ty Quản lý quỹ Techcom theo hợp đồng ủy thác đầu tư										
Chứng khoán niêm yết	3.918.235	6.485.696	101.843.392	189.676.342	-	5.158.474	(36.582.959)	(19.990.089)	65.260.433	174.844.727

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2011 VND'000	2010 VND'000
Số dư đầu năm	22.302.173	4.240
Tăng dự phòng trong năm (Thuyết minh 18)	36.083.802	22.297.933
Sử dụng quỹ dự phòng trong năm	(16.042.827)	-
Số dư cuối năm	42.343.148	22.302.173

6. Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Ứng trước cho nhà đầu tư (i)	98.491	2.623.453
Phải thu khác	563	26.847
	99.054	2.650.300

- (i) Đây là khoản ứng trước cho những khách hàng đã bán chứng khoán và muốn nhận tiền trước thay vì ngày T+3 date.

7. Các khoản phải thu khác

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Phải thu tiền lãi	2.599.047	916.059
Phải thu cổ tức	-	3.804.782
Phải thu từ hợp đồng mua và bán lại chứng khoán (i)	119.348.889	9.850.345
Phải thu khác (ii)	3.953.396	-
	125.901.332	14.571.186

- (i) Tại thời điểm 31/12/2011, đây là các khoản phải thu từ các hợp đồng mua và bán lại chứng khoán với các cá nhân với chứng khoán được giao dịch là các cổ phiếu do Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng Thương mại cổ phần Hàng hải Việt Nam phát hành. Các hợp đồng này có thời hạn sáu tháng và lãi suất 20% một năm.

Số dư khoản phải thu này bao gồm số tiền gốc (118.000 triệu đồng) và lãi phải thu (1.348 triệu đồng) của các hợp đồng này tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011.

- (ii) Phải thu khác chủ yếu là các khoản phải thu từ Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương từ việc bán các khoản đầu tư ủy thác theo các hợp đồng ủy thác đầu tư (xem Thuyết minh 2(g)).

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Thiết bị văn phòng VND'000
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	2.185.138
Tăng trong năm	80.315
	<hr/>
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	2.265.453
	<hr/>
Hao mòn lũy kế	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	390.539
Khấu hao trong năm	408.302
	<hr/>
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	798.841
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	1.794.599
Số dư cuối năm	1.466.612
	<hr/>

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND'000
Nguyên giá	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	1.340.860
Tăng trong năm	-
	<hr/>
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	1.340.860
	<hr/>
Hao mòn lũy kế	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	136.523
Khấu hao trong năm	274.060
	<hr/>
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	410.583
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	1.204.337
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	930.277
	<hr/>

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán

Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ Thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Theo các Quyết định 27/QĐ-VSD ngày 22 tháng 4 năm 2010 và Quyết định 102/QĐ-VSD ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ một khoản tiền ban đầu là 120 triệu VND tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và hàng năm phải đóng thêm 0,01% trên doanh số giao dịch môi giới chứng khoán niêm yết tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán của năm liền trước với số tiền đóng góp hàng năm vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán không quá 2 tỷ VND/năm.

Biến động các khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ Thanh toán trong năm như sau:

	2011 VND'000	2010 VND'000
Số dư đầu năm	124.442	120.000
Tăng trong năm	14.771	4.442
Số dư cuối năm	<u>139.213</u>	<u>124.442</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Thuế thu nhập cá nhân	233.298	-
Thuế giá trị gia tăng	54.994	63.931
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	-	-
	<u>288.292</u>	<u>63.931</u>

- (i) Công ty không phát sinh khoản thuế TNDN phải nộp cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 do Công ty đã nộp thừa thuế TNDN cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 và phát sinh khoản phải thu Nhà nước 176.836 ngàn đồng.

12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

	31/12/2011 VND'000	31/12/2010 VND'000
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư (i)	395.950	33.661.835
	<u>395.950</u>	<u>33.661.835</u>

- (i) Các khoản này liên quan đến các tài khoản giao dịch chứng khoán của khách hàng mở tại Công ty (Thuyết minh số 3).

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

13. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2011	31/12/2010
	VND'000	VND'000
Phải trả tiền thuê văn phòng	-	4.430.209
Phí quản lý phải trả (i)	36.706	1.625.732
	<hr/>	<hr/>
	36.706	6.055.941
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

- (i) Khoản này phản ánh khoản phí quản lý danh mục đầu tư phải trả cho Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương theo các hợp đồng ủy thác đầu tư (xem Thuyết minh 2(f)), được tính theo tỉ lệ 0,2% - 0,5% giá trị tài sản thuần (NAV) của danh mục đầu tư.

14. Vốn điều lệ

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là 300 tỷ đồng.

Công ty được sở hữu 100% bởi Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam, một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

15. Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán

	2011	2010
	VND'000	VND'000
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	1.820.720	1.938.372
Thu nhập cổ tức	2.403.172	13.649.888
	<hr/>	<hr/>
	4.223.892	15.588.260
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

16. Doanh thu hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán

Đây là khoản thu nhập từ hợp đồng tổ hợp phát hành trái phiếu cùng với Công ty Chứng khoán VP Bank và Công ty chứng khoán FPT nhằm huy động 1.000 tỷ đồng cho Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp thông qua phát hành trái phiếu.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

17. Doanh thu khác

	2011 VND'000	2010 VND'000
Lãi tiền gửi	24.208.779	6.327.014
Lãi từ hợp đồng mua và bán lại chứng khoán	1.348.889	4.620.000
Thu nhập khác	135.125	701.659
	25.692.793	11.648.674

18. Chi phí hoạt động kinh doanh

	2011 VND'000	2010 VND'000
Lỗ từ hoạt động đầu tư chứng khoán	7.723.504	-
Chi phí lãi	111.373	847.222
Chi phí tư vấn	-	461.864
Phí quản lý phải trả cho các hợp đồng ủy thác đầu tư	576.236	3.940.947
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	36.083.802	22.297.933
Chi phí khác	1.759.381	977.552
	45.861.183	28.525.518

19. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2011 VND'000	2010 VND'000
Chi phí nhân viên	2.999.667	2.343.185
Chi phí thuê văn phòng	2.154.880	2.922.002
Chi phí nguyên vật liệu, công vụ và dụng cụ	219.430	180.118
Chi phí khấu hao	408.302	335.010
Chi phí khác	845.817	1.060.794
	6.628.096	6.841.109

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2011 VND'000	2010 VND'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện tại	315.963	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2011 VND'000	2010 VND'000
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	21.756.127	(5.021.667)
Thuế theo thuế suất của Công ty	5.439.032	(1.255.417)
Thu nhập không chịu thuế	(455.180)	(3.412.472)
Sử dụng lỗ năm trước	(4.667.889)	-
	315.963	(4.667.889)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	-	4.667.889
	315.963	-

(c) Thuế suất áp dụng

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, (31 tháng 12 năm 2010: 10%) Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế của Công ty. Việc tính thuế thu nhập vào điều phụ thuộc vào sự kiểm tra và phê duyệt của cơ quan thuế.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

21. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày 31 tháng 12	
	2011 VND'000	2010 VND'000	2011 VND'000	2010 VND'000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam				
Tiền gửi	-	-	119,605,854	14.737.528
Hợp đồng ủy thác đầu tư	-	70.000.000	-	100.000.000
Tiền gửi thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	-	-	4,163,793	31.032.518
Phải thu khác	-	-	2,599,047	854.213
Thu nhập tiền lãi từ các hợp đồng ủy thác đầu tư	-	6.327.014	-	-
Thu nhập tiền lãi từ tiền gửi	23,116,503	517.042	-	-
Chi phí tiền lãi	-	847.222	-	-
Ứng trước để mua chứng khoán	-	-	-	-
Bán chứng khoán	-	250.846,000	-	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ thương				
Hợp đồng ủy thác đầu tư	-	-	101,843,392	200.000.000
Phải thu khác	-	-	3,953,396	13.365.404
Phí quản lý danh mục đầu tư	576,236	3.940.947	-	-
Công ty TNHH Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam				
Tiền thuê văn phòng	-	2.922.002	-	-
Phí quản lý	-	118.800	-	-
Phải trả khác	-	-	-	4.296.699

22. Biến động khoản phải thu

	Số dư đầu kỳ VND'000	Biến động		Số dư cuối kỳ VND'000
		Tăng VND'000	Giảm VND'000	
Ứng trước cho người bán	156.000	122.995	(269.995)	9.000
Phải thu hoạt động kinh doanh	2.650.300	23.433.234	(25.984.480)	99.054
Phải thu khác	14.571.186	208.484.557	(97.154.411)	125.901.332
	17.377.486	232.040.786	(123.408.886)	126.009.386

23. Quản lý rủi ro

Phần thuyết minh này trình bày chi tiết về mức độ rủi ro tài chính của Công ty và các phương pháp được Ban Giám đốc sử dụng để quản lý các rủi ro này. Rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Công ty gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro tổn thất tài chính của Công ty nếu khách hàng hoặc đối tác của một công cụ tài chính không thực hiện đúng các nghĩa vụ ghi trên hợp đồng. Để quản lý mức độ rủi ro tín dụng, Công ty ưu tiên giao dịch với các đối tác có mức tín nhiệm tín dụng tốt, và khi thích hợp thì yêu cầu tài sản thế chấp. Ban Giám đốc đã thiết lập một chính sách tín dụng theo đó mỗi khách hàng mới được phân tích mức tín nhiệm tín dụng độ tin cậy của khách hàng trước khi đưa ra các điều khoản và điều kiện chuẩn theo quy định.

Mức độ tập trung rủi ro tín dụng phát sinh từ các nhóm khách hàng có các đặc điểm kinh tế tương tự có khả năng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng khi có sự thay đổi trong điều kiện kinh tế hoặc các điều kiện khác. Mức độ tập trung chủ yếu của rủi ro tín dụng chính phát sinh theo loại khách hàng liên quan đến các khoản tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay hỗ trợ thanh toán của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, rủi ro tín dụng của Công ty chủ yếu phát sinh từ tiền gửi ngân hàng (bao gồm lãi phải thu), tạm ứng cho khách hàng đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán, các khoản phải thu từ hợp đồng mua và bán lại chứng khoán.

(b) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ phải trả tài chính mà các khoản nợ này sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác. Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là đảm bảo đến mức cao nhất có thể Công ty luôn có đủ thanh khoản để thanh toán các khoản nợ tài chính khi đến hạn trong cả điều kiện bình thường và điều kiện khó khăn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, thời gian đáo hạn của các hợp đồng dựa trên tài sản và công nợ tài chính như sau:

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

	Giá trị ghi số VND'000	Dòng tiền không chiết khấu VND'000	Dưới 1 năm VND'000	Từ 1 đến 5 năm VND'000
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011				
Tài sản				
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.884.370	119.884.370	119.884.370	-
Đầu tư ngắn hạn	76.218.076	76.218.076	76.218.076	-
Phải thu	126.009.386	126.009.386	126.009.386	-
Tài sản ngắn hạn khác	428.428	428.428	428.428	-
Tài sản cố định	2.396.889	2.396.889	-	2.396.889
Tài sản dài hạn khác	932.547	932.547	-	932.547
	325.869.696	325.869.696	322.540.260	3.329.436
Nợ phải trả				
Phải trả người bán	1.348	1.348	1.348	-
Người mua trả tiền trước	666.117	666.117	666.117	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	288.292	288.292	288.292	-
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	395.950	395.950	395.950	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	36.706	36.706	36.706	-
	1.388.413	1.388.413	1.388.413	-
	324.481.283	324.481.283	321.151.847	3.329.436

(c) Rủi ro thị trường

(i) Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi tỷ giá hối đoái.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Công ty không có rủi ro tiền tệ giữa ngoại tệ và đồng Việt Nam.

(ii) Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, rủi ro lãi suất của Công ty do sự thay đổi của lãi suất thị trường là rất nhỏ vì tài sản hưởng lãi và nợ phải trả chịu lãi có thời hạn là ngắn hạn.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

(iii) **Rủi ro về giá chứng khoán vốn**

Rủi ro về giá chứng khoán vốn là rủi ro mà giá trị thị trường của chứng khoán vốn giảm do việc thay đổi giá trị của các chứng khoán riêng lẻ. Rủi ro về giá chứng khoán vốn phát sinh từ chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty.

Chứng khoán thương mại và chứng khoán đầu tư của Công ty bị ảnh hưởng bởi rủi ro giá thị trường phát sinh từ sự không chắc chắn về những biến động của giá thị trường tương lai của các chứng khoán này. Công ty quản lý rủi ro giá chứng khoán vốn bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, giá thị trường của các chứng khoán vốn niêm yết của Công ty là 76.218.076 nghìn đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 189.683.975 nghìn đồng).

24. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính

Giá trị hợp lý là giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi, hoặc một khoản phải trả được thanh toán giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty sử dụng các phương pháp và giả định sau trong việc ước tính giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của các chứng khoán niêm yết được tính dựa trên giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và giá bình quân tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu xấp xỉ giá trị sổ sách của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.
- Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính xấp xỉ giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 do các công cụ tài chính này có kỳ hạn ngắn.

Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Công ty:

	31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND'000	Giá trị hợp lý VND'000
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	119.884.370	119.884.370
Các khoản đầu tư ngắn hạn	76.218.076	76.218.076
Các khoản phải thu	126.009.386	126.009.386
Tài sản tài chính khác	1.184.139	1.184.139
	323.295.971	323.295.971
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán	1.348	1.348
Khách hàng trả tiền trước	666.117	666.117
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	395.950	395.950
Nợ phải trả tài chính khác	36.706	36.706
	1.100.121	1.100.121
	322.195.850	322.195.850

25. Điều chỉnh kỳ trước và số liệu so sánh

Trong báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty chưa ghi nhận thu nhập từ cổ tức nhận được trong năm là thu nhập không chịu thuế. Nếu phần thu nhập này được tính trừ khỏi thu nhập chịu thuế, phần lỗ của Công ty từ năm trước chuyển sang sẽ tăng 3.412.472 nghìn đồng.

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

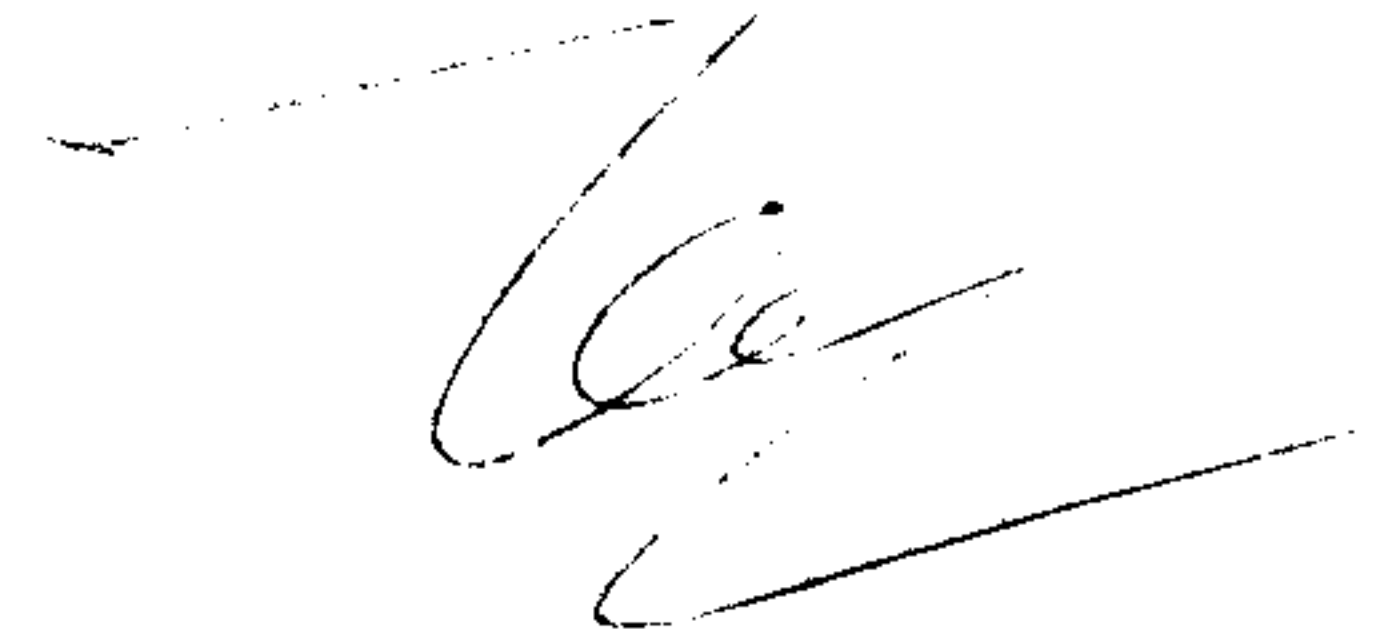
	31/12/2010 (điều chỉnh lại)	31/12/2010 (theo báo cáo trước đây)
	VND'000	VND'000
Thu nhập không chịu thuế	(3.412.472)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	4.667.889	1.255.417

Người lập:



Phạm Thị Vân
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Trung Kiên
Giám đốc

30 -03- 2012